

Phụ lục I: CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH ĐIỀU DƯỠNG

(Kèm theo Bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành Số: 01/BCB-PCSD-2024, ngày 19 tháng 08 năm 2024)

B. ĐỐI VỚI CHỨC DANH ĐIỀU DƯỠNG

Đối tượng: Điều dưỡng chưa được cấp giấy phép hành nghề hoặc thay đổi chức danh chuyên môn.

1. **Mục tiêu chung:** Sau khóa học, học viên có khả năng thực hiện được các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh một cách an toàn, hiệu quả cho người bệnh.

2. **Mục tiêu cụ thể:** Thực hiện được các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với từng đối tượng được quy định tại Thông tư số 32/2023-TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ y tế. Trọng tâm vào các đầu ra sau đây:

- Chương trình hội nhập BV: Giao tiếp, AIDET, ISBARQ, văn hóa Phương Châu
- Quy định về chuẩn đạo đức nghề nghiệp của điều dưỡng và các quy định liên quan đến công tác điều dưỡng
 - An toàn người bệnh và kiểm soát nhiễm khuẩn theo tiêu chuẩn JCI
 - Kiến thức về Điều dưỡng và chăm sóc người bệnh
 - Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản
 - Quy trình đặc thù chuyên môn tại khoa
 - Quản lý và sử dụng thuốc cho người bệnh
 - Quản lý chăm sóc người bệnh
 - Tư vấn giáo dục sức khỏe
 - Sơ cấp cứu
 - Thái độ
 - Tuân thủ đúng các quy trình của Pháp luật liên quan và tiêu chuẩn đạo đức khi thực hành nghề nghiệp.
 - Hoàn thành khối lượng công việc, phát triển năng lực cho bản thân và nghề nghiệp.
 - Tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, trung thực, tôn trọng, hợp tác với người bệnh và đồng nghiệp; đảm bảo an toàn khi chăm sóc người bệnh; chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hành nghề nghiệp.
 - Đảm bảo ngày công, chấp hành nội quy, quy định của bệnh viện.

3. Khung chương trình đào tạo thực hành 6 tháng đối với đối tượng Điều dưỡng

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh của Điều dưỡng là 06 tháng theo quy định của Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ, được phân bổ như sau:

| Khoa thực hành | Thời gian | Ghi chú |
|---|-----------|----------|
| Khoa Cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa Sa Đéc | 1 tháng | Bắt buộc |
| Khoa Khám bệnh | 1 tháng | |
| Khoa Nội-da liễu | 1 tháng | |
| Khoa Phụ sản-nhi | 1 tháng | |
| Khoa Ngoại-Gây mê hồi sức | 1 tháng | |
| Tự chọn 1 trong 3 Khoa: Khám bệnh, Nội-da liễu; Phụ sản-nhi | 1 tháng | |

3.1 Nội dung

3.1.1 Lý thuyết

| STT | Nội dung | Khoa thực hành |
|-----|--|---|
| 1 | - Chương trình hội nhập Bệnh viện: Giao tiếp, AIDET, ISBARQ, văn hóa Phương Châu. | Khoa Khám Bệnh |
| 2 | - Quy định về chuẩn đạo đức nghề nghiệp của điều dưỡng và các quy định liên quan đến công tác điều dưỡng. | Khoa Khám Bệnh |
| 3 | - An toàn người bệnh và kiểm soát nhiễm khuẩn theo chuẩn JCI. - Kiến thức về Điều dưỡng và chăm sóc người bệnh - Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản - Quy trình đặc thù chuyên môn tại khoa - Quản lý và sử dụng thuốc cho người bệnh - Quản lý chăm sóc người bệnh - Tư vấn giáo dục sức khỏe | Khoa Khám Bệnh Khoa Phụ sản-Nhi Khoa Nội-Da liễu Khoa Ngoại-Gây mê hồi sức |
| 4 | - Theo nội dung đã thỏa thuận của hợp đồng hỗ trợ chuyên môn số 1136/HĐCM.2024 ngày 02/08/2024 với Bệnh viện Đa khoa Phương Châu Sa Đéc. | Khoa Cấp cứu, Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc |

3.1.2 Thực hành

| STT | DANH MỤC KỸ THUẬT |
|-----|---|
| 1 | Cắt chỉ |
| 2 | Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương |
| 3 | Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần) |
| 4 | Chăm sóc ống nội khí quản (một lần) |
| 5 | Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng (một lần) |
| 6 | Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần) |
| 7 | Đánh giá độ đau bằng các thang điểm |
| 8 | Đánh giá huyết áp |
| 9 | Đánh giá mạch |
| 10 | Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên |
| 11 | Đặt ống thông dạ dày |
| 12 | Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang |
| 13 | Đặt ống thông hậu môn |
| 14 | Điện tim thường |
| 15 | Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương |
| 16 | Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu |
| 17 | Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương |
| 18 | Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu |
| 19 | Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu |
| 20 | Đo lượng nước tiểu 24 giờ |

| | |
|----|---|
| 21 | Đo vòng đầu |
| 22 | Ghi điện tim cấp cứu tại giường |
| 23 | Ghi điện tim thường |
| 24 | Hướng dẫn người bệnh kỹ thuật chuyên môn tự thực hiện trong quá trình điều trị |
| 25 | Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình hít định liều |
| 26 | Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình xịt định liều |
| 27 | Hút đờm hầu họng |
| 28 | Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy) (một lần hút) |
| 29 | Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh có thở máy (một lần hút) |
| 30 | Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút) |
| 31 | Khí dung mũi họng |
| 32 | Khí dung thuốc cấp cứu (một lần) |
| 33 | Khí dung thuốc giãn phế quản |
| 34 | Khí dung thuốc qua thở máy (một lần) |
| 35 | Kỹ thuật chăm sóc hậu môn, sinh dục |
| 36 | Kỹ thuật cho người bệnh ăn qua đường miệng |
| 37 | Kỹ thuật đặt ống thông tiểu 1 lần |
| 38 | Kỹ thuật đặt ống thông tiểu liên tục |
| 39 | Kỹ thuật đo chiều cao, cân nặng |
| 40 | Kỹ thuật đo vòng bụng |
| 41 | Kỹ thuật đo vòng cánh tay |
| 42 | Kỹ thuật làm sạch nòng trong canuyn mở khí quản 2 nòng |
| 43 | Kỹ thuật lấy dịch tỵ hầu để xét nghiệm |

| | |
|----|---|
| 44 | Kỹ thuật lấy đờm tác động bằng vỗ rung |
| 45 | Kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da) |
| 46 | Kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch với hệ thống hút chân không |
| 47 | Kỹ thuật lấy mù làm xét nghiệm |
| 48 | Kỹ thuật lấy nước tiểu 24h |
| 49 | Kỹ thuật lấy nước tiểu ở người bệnh có đặt dẫn lưu nước tiểu |
| 50 | Kỹ thuật lấy nước tiểu thường quy |
| 51 | Kỹ thuật lấy phân xét nghiệm |
| 52 | Kỹ thuật rút ống dẫn lưu |
| 53 | Kỹ thuật rút ống thông mạch máu trung tâm |
| 54 | Kỹ thuật rút ống thông tiểu lưu |
| 55 | Kỹ thuật thay băng lỗ mở khí quản |
| 56 | Kỹ thuật thay túi hậu môn nhân tạo |
| 57 | Kỹ thuật theo dõi người bệnh sau can thiệp |
| 58 | Kỹ thuật thực hiện bôi thuốc ngoài da |
| 59 | Kỹ thuật thực hiện thuốc qua niêm mạc âm đạo |
| 60 | Kỹ thuật thực hiện thuốc qua niêm mạc: mắt hoặc mũi hoặc miệng hoặc tai |
| 61 | Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch qua cổng tiêm thuốc |
| 62 | Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế |
| 63 | Kỹ thuật xoay chuyển người bệnh dự phòng loét tỳ đè |
| 64 | Liệu pháp giảm đau không dùng thuốc |
| 65 | Lưu kim luôn tĩnh mạch để tiêm thuốc |
| 66 | Nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch |
| 67 | Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ |

| | |
|----|---|
| 68 | Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy, truyền thức ăn qua thực quản, dạ dày |
| 69 | Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày (một lần) |
| 70 | Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông hồng tràng ≤ 8 giờ |
| 71 | Rửa bàng quang |
| 72 | Rửa dạ dày |
| 73 | Rửa dạ dày cấp cứu |
| 74 | Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN |
| 75 | Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần) |
| 76 | Thay băng điều trị vết thương mạn tính |
| 77 | Thay băng vết mổ |
| 78 | Thay băng vết thương hoại tử mất da rộng |
| 79 | Thay băng vết thương, vết loét trên người bệnh đái tháo đường |
| 80 | Thay băng vết thương, vết mổ chiều dài ≤ 15 cm |
| 81 | Thay băng vết thương, vết mổ chiều dài trên 15cm đến 30 cm |
| 82 | Thay băng vết thương, vết mổ nhiễm trùng chiều dài dưới 15 cm |
| 83 | Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục ≤ 8 giờ |
| 84 | Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ |
| 85 | Theo dõi SPO2 liên tục tại giường |
| 86 | Theo dõi SPO2 liên tục tại giường ≤ 8 giờ |
| 87 | Theo dõi và chăm sóc người bệnh sốc phản vệ 72 giờ đầu |
| 88 | Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (£ 8 giờ) |
| 89 | Thở oxy dài hạn điều trị suy hô hấp mạn tính ≤ 8 giờ |
| 90 | Thở oxy qua gọng kính (£ 8 giờ) |
| 91 | Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (£ 8 giờ) |

| | |
|-----|---|
| 92 | Thở oxy qua mặt nạ không có túi (≤ 8 giờ) |
| 93 | Thở oxy qua mũi kín |
| 94 | Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (≤ 8 giờ) |
| 95 | Thủ thuật Heimlich |
| 96 | Thụt giữ |
| 97 | Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng |
| 98 | Thụt tháo phân |
| 99 | Thụt thuốc qua đường hậu môn |
| 100 | Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch |
| 101 | Tiêm trong da; tiêm dưới da; tiêm bắp thịt |
| 102 | Truyền dịch thường qui |
| 103 | Truyền dịch trong sóc |
| 104 | Truyền máu hoặc sản phẩm máu thường qui |
| 105 | Truyền máu tại giường bệnh (bệnh nhân điều trị nội - ngoại trú) |
| 106 | Truyền máu trong sóc |
| 107 | Truyền tĩnh mạch |
| 108 | Truyền tĩnh mạch qua máy |
| 109 | Xoay trở bệnh nhân thở máy |

4. Đánh giá và xác nhận thực hành lâm sàng

4.1 Điều kiện thi kết thúc chương trình: Sau khi kết thúc chương trình đào tạo 6 tháng và giấy xác nhận của người hướng dẫn thực hành, Trưởng khoa và Phòng Điều dưỡng: Đạt.

4.2 Phương pháp đánh thực hành

- Bộ câu hỏi lý thuyết
- Quan sát thực hành giao tiếp, thực hành chăm sóc người bệnh

4.3 Điều kiện hoàn thành chương trình

- Điểm lý thuyết ≥ 5.5

- Điểm thi thực hành kết thúc ≥ 5.5

5. Tài liệu tham khảo

- Luật khám chữa, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Điều dưỡng năm 2022 của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
- Chương trình thực hành 12 tháng để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh Điều dưỡng của Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp.
- Tài liệu “ Hội nghị tập huấn trực tuyến Nghị số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản quy định chi tiết của Luật Khám bệnh, chữa bệnh” do Cục quản lý khám chữa bệnh tổ chức theo Giấy mời số 224/GM-KCB ngày 17/6/2024.
- Chương trình thực hành 12 tháng để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật Y của Bệnh viện Quốc tế Phương Châu.